

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trương Hồng	Nhật	3575010241	02/11/1993	3,90	4,00	4,00	
2	Nguyễn Thị	Tiền	3575030625	03/02/1993	9,60	6,20	7,20	
3	Nguyễn Võ Nhật	Nam	3771020614	26/08/1992	,00	,00	,00	CT
4	Trương Ngọc	Toàn	3771020619	09/07/1995	,00	,00	,00	CT
5	Phạm Quốc	Việt	3771020622	08/06/1994	,00	,00	,00	CT
6	Hồ Tấn	Vinh	3771020623	14/01/1995	4,10	3,90	4,00	
7	Nguyễn Thế	Phong	3771020624	02/02/1995	2,10	,00	,60	CT
8	Nguyễn Văn	Thức	3771020626	12/04/1994	4,60	8,30	7,20	
9	Hồ Công	Khanh	3771020628	05/03/1995	3,30	3,60	3,50	
10	Nguyễn Trần Thành	Nguyên	3771020629	31/07/1995	,00	,00	,00	CT
11	Nguyễn Cao	Đắc	3771020630	01/01/1994	6,00	6,00	6,00	
12	Nguyễn Khắc	Hùng	3771020633	20/02/1995	4,20	6,90	6,10	
13	Trần Quốc	Cường	3771020634	16/02/1995	6,40	9,40	8,50	
14	Đặng Văn	Mẫu	3771020637	10/02/1992	1,40	,00	,40	CT
15	Bùi Bảo	Sơn	3771020638	08/05/1994	4,40	1,20	2,20	
16	Tăng Thanh	Quân	3771020640	02/08/1994	3,30	2,10	2,50	
17	Huỳnh Công	Danh	3771020647	02/04/1995	2,30	,00	,70	CT
18	Nguyễn Hoàng	Hạc	3771020649	27/07/1993	3,00			
19	Nguyễn Ngọc	Tài	3771020650	01/02/1995	,00	,00	,00	CT
20	Đậu Đình	Huỳnh	3771020656	12/12/1995	1,70	,00	,50	CT
21	Hoàng Văn	Sơn	3771020663	06/07/1994	5,60	3,60	4,20	
22	Nguyễn Văn	Nam	3771020664	08/05/1994	2,50	,00	,80	CT
23	Mai Thiêu	Huy	3771020665	04/03/1992	,30	,00	,10	CT
24	Nguyễn Đức	Phúc	3771020669	30/09/1990	4,80	4,60	4,70	
25	Lê Xuân	Nguyên	3771020670	13/04/1995	1,00	,00	,30	CT
26	Nguyễn Quang	Thống	3771020671	27/09/1995	3,60	4,80	4,40	
27	Nguyễn Trọng	Kha	3771020674	05/01/1995	1,20	,00	,40	CT
28	Phạm Văn	Công	3771020675	13/03/1995	3,30	4,30	4,00	
29	Đoàn Văn	Hiếu	3771020681	06/01/1994	4,90	5,60	5,40	
30	Huỳnh Anh	Vũ	3771020682	23/03/1994	2,00			
31	Võ Thành	Mỹ	3771020686	20/02/1994	,00	,00	,00	CT
32	Nguyễn Thanh	Tân	3771020687	28/10/1994	4,70	7,50	6,70	
33	Trương Minh	Tâm	3771020689	10/05/1995	,00	,00	,00	CT
34	Võ Minh	Quân	3771020693	01/04/1994	3,30	4,00	3,80	
35	Nguyễn Văn	Tài	3771020695	12/02/1993	2,60	,00	,80	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Bà Quốc	Khánh	3771021086	02/09/1993	2,20	,00	,70	CT
37	Trần Văn	Thịnh	3771021150	01/03/1995	5,70	6,50	6,30	
38	Võ Văn	Nam	3771021189	14/10/1995	4,30	1,50	2,30	
39	Đỗ Hiệp	Phát	3771021201	28/10/1995	1,70	,00	,50	CT
40	Phan Thanh	Phong	3771021205	29/12/1994	5,50	8,70	7,70	
41	Nguyễn Ngọc	Trình	3771021233	10/02/1995	2,80	,00	,80	CT
42	Nguyễn Đức	Tiền	3771021245	02/02/1995	7,80	2,80	4,30	
43	Đặng Xuân	Hiệp	3771021252	19/01/1995	1,50	,00	,50	CT
44	Lê Văn	Thảo	3771021274	17/02/1992	4,10	6,00	5,40	
45	Nguyễn Thanh	Xuân	3771021285	18/04/1995	,00	,00	,00	CT
46	Lê Duy	Linh	3771021316	01/06/1995	7,20	7,80	7,60	
47	Võ Duy	Thanh	3771021323	17/03/1995	1,50	,00	,50	CT
48	Võ Thanh	Ngọc	3771021343	15/10/1995	1,00	,00	,30	CT
49	Lê Văn	Son	3771021354	20/09/1994	3,30	5,30	4,70	
50	Nguyễn Văn	Bình	3771021355	02/06/1990	2,10	,00	,60	CT
51	Trần Văn	Vũ	3771021397	07/04/1995	2,40	,00	,70	CT
52	Nguyễn Ngọc	Linh	3771021415	13/05/1995	5,10	3,00	3,60	
53	Trần Quang	Bảo	3771050401	25/05/1994	5,40	8,50	7,60	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)